

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai
và Luật Đê điều**

Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025;

2. Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều¹.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh²

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai, bao gồm: Trách nhiệm truyền tin, tần suất, thời lượng phát tin, mạng lưới, trang thiết bị thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai; phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai; tình huống khẩn cấp về thiên tai, các loại dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai; huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam; chế độ, chính sách đối với lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại Việt Nam.

¹ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự có căn cứ ban hành như sau:

*“ Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;”

Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 98/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

TRÁCH NHIỆM TRUYỀN TIN; TÀN SUẤT, THỜI LƯỢNG PHÁT TIN; MẠNG LƯỚI THÔNG TIN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Điều 3. Cơ quan có trách nhiệm truyền tin

1. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, hệ thống đài thông tin duyên hải, đài phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan thông tấn, báo chí có trách nhiệm phát các văn bản chỉ đạo ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{3 4}.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{5 6}, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự⁷ cấp trên và cùng cấp trên địa bàn được cảnh báo.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo hệ thống thông tin chuyên ngành để phát thông tin có liên quan đến phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực quản lý.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ⁸ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁹, hướng dẫn hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản

³ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁴ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁵ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁶ Cụm từ “Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn,” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁷ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁸ Cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 5 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

hướng dẫn việc ưu tiên nhấn tin dự báo, cảnh báo thiên tai trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

Điều 4. Tần suất, thời lượng phát tin chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai

1. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, hệ thống đài thông tin duyên hải, đài phát thanh, truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan thông tấn, báo chí, các hệ thống thông tin chuyên dùng liên quan phát, đưa tin đầy đủ nội dung chỉ đạo trong các văn bản chỉ đạo ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{10 11} ngay sau khi nhận được và phát lại với tần suất tối thiểu 3 giờ/lần đối với thiên tai đến cấp độ 3, tối thiểu 01 giờ/lần đối với thiên tai trên cấp độ 3, ưu tiên phát tin trong trường hợp thiên tai khẩn cấp theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia¹² cho đến khi có văn bản chỉ đạo mới hoặc hoạt động ứng phó thiên tai đã được thực hiện hoặc diễn biến thiên tai đã thay đổi không còn ảnh hưởng.

2. Thời lượng phát tin chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai bao gồm thời gian phát đầy đủ nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của cơ quan có thẩm quyền, bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, nêu rõ sự thay đổi của nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy, cập nhật tình hình diễn biến thiên tai, các hoạt động ứng phó thiên tai.

3. Đài Phát thanh, truyền hình các cấp phát văn bản chỉ huy ứng phó thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự¹³ cùng cấp, văn bản chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên ngay sau khi nhận được và phát lại theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự¹⁴ cùng cấp, phù hợp với diễn biến thiên tai và ứng phó của địa phương.

Khi xảy ra thiên tai cấp độ 2, 3, 4 trên địa bàn, tần suất phát tin theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự¹⁵ cùng cấp hoặc cấp trên.

¹⁰ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

¹¹ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

¹² Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

¹³ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

¹⁴ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

¹⁵ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự.

4. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự¹⁶ các cấp hướng dẫn cụ thể nội dung và tần suất, thời lượng phát tin chỉ huy ứng phó thiên tai trên các hệ thống thông tin trên địa bàn. Những nơi không có phát thanh, truyền thanh, truyền hình sử dụng các phương tiện, dụng cụ, hiệu lệnh truyền thông theo quy ước của địa phương để thông báo tới các hộ gia đình thuộc diện bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Điều 5. Mạng lưới thông tin, trang thiết bị phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai

1. Mạng thông tin công cộng phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai, bao gồm:

- a) Mạng viễn thông cố định mặt đất, vệ tinh;
- b) Mạng viễn thông di động mặt đất, vệ tinh;
- c) Mạng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình;
- d) Mạng bưu chính công cộng.

2. Mạng thông tin chuyên dùng, bao gồm:

a) Đường dây nóng phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

b) Mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai; các xe ô tô chuyên dùng phục vụ thông tin phòng chống thiên tai;

c) Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh;

d) Mạng viễn thông dùng riêng, mạng bưu chính của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác;

đ) Mạng thông tin cảnh báo sóng thần, kết hợp cảnh báo thiên tai khác;

e) Mạng lưới thông tin cảnh báo từ hệ thống quan trắc chuyên dùng.

3. Thiết bị thông tin phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai bao gồm:

a) Điện thoại cố định, di động, vệ tinh;

b) Máy tính;

c) Máy fax;

d) Thiết bị phát thanh;

đ) Thiết bị truyền hình;

e) Thiết bị quan trắc tự động truyền tin;

g) Mạng thông tin công cộng, thiết bị quan trắc giám sát chuyên dùng tự động truyền tin; hệ thống thông tin cảnh báo sớm;

h) Phương tiện, dụng cụ thông tin khác.

¹⁶ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

4. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ phòng chống thiên tai, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp lập kế hoạch xây dựng và mua sắm trang thiết bị thông tin; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức xây dựng, mua sắm, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

Mục 2

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM VÀ PHỐI HỢP TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

Điều 6. Cấp độ rủi ro thiên tai

Rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: Cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5 (tình trạng khẩn cấp về thiên tai). Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai.

Điều 7. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1

1.¹⁷ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận; có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, đúng quy định của pháp luật để ứng phó thiên tai khi nhận được đề nghị trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã khác và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- a) Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã;
- b) Lực lượng công an, dân quân tự vệ, dân phòng, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật; đề nghị người có thẩm quyền huy động lực lượng quân đội trên địa bàn để ứng phó thiên tai theo quy định của pháp luật;
- c) Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

2. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền.

3. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh¹⁸ hỗ trợ.

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

4.¹⁹ (được bãi bỏ)

5.²⁰ (được bãi bỏ)

6.²¹ (được bãi bỏ)

Điều 8. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{22 23}.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

a) Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng kiểm ngư và các tổ chức, cá nhân tình nguyện;

b) Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

3.²⁴ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

¹⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

²⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

²¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

²² Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

²³ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

4. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia²⁵ hỗ trợ.

5. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{27 28} có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoặc huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó khi xuất hiện các tình huống thiên tai có diễn biến phức tạp, nguy cơ gây hậu quả lớn hoặc khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền.

Điều 9. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia²⁹ chỉ đạo các địa phương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương ứng phó khi có yêu cầu.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia³⁰ căn cứ tình huống cụ thể chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

3. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ³¹ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời

²⁵ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

²⁷ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

²⁸ Cụm từ “chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

²⁹ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

³⁰ Cụm từ “Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

³¹ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{32 33}.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

5.³⁴ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

6. Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 hoặc thiên tai có diễn biến phức tạp nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia³⁵ báo cáo Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo.

Điều 10. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai cấp độ 4

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương liên quan triển khai các biện pháp ứng phó.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia³⁶ chịu trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó; tham mưu thành lập Ban chỉ đạo tiền phương để xử lý tình huống đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo điều hành tại hiện trường.

3. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia³⁷ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí, sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

³² Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

³³ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

³⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

³⁵ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

³⁶ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

³⁷ Cụm từ “Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{38 39}.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia^{40 41}.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân⁴² cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

Điều 11. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai

1. Trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia⁴³ báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.

2. Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Mục 3

TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP VỀ THIÊN TAI; CÁC LOẠI DỰ ÁN KHẨN CẤP PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

³⁸ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

³⁹ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁴⁰ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁴¹ Cụm từ “và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁴² Cụm từ “cấp huyện và” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁴³ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Điều 12. Tình huống khẩn cấp về thiên tai

1.⁴⁴ Tình huống khẩn cấp về thiên tai là các tình huống thiên tai đã hoặc đang xảy ra đã gây ảnh hưởng hoặc có nguy cơ đe dọa trực tiếp đến an toàn tính mạng, sức khỏe, nhà ở của nhiều người dân và các công trình đê điều, hồ đập, công trình phòng, chống thiên tai, công trình hạ tầng quan trọng đang sử dụng như sân bay, đường sắt, đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường độc đạo liên xã, liên thôn, bến cảng quốc gia, hệ thống lưới cao thế từ 66KV trở lên, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới, trường học, bệnh viện, trụ sở các cơ quan, các khu kinh tế, khu công nghiệp; mất đất, mất rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn, cần tổ chức triển khai ngay các biện pháp ứng phó khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn hậu quả và khắc phục nhanh hậu quả, được công bố bằng quyết định của người có thẩm quyền.

2. Nội dung quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai gồm các thông tin chính sau:

a) Diễn biến, phạm vi ảnh hưởng của thiên tai hoặc sự cố; sự cố công trình phòng, chống thiên tai hoặc sự cố công trình xây dựng ảnh hưởng do thiên tai; mức độ hư hỏng đối với công trình; thiệt hại hoặc nguy cơ gây thiệt hại có thể xảy ra, đặc biệt liên quan đến an toàn về người;

b) Các biện pháp khẩn cấp cần áp dụng ngay để ứng phó và khắc phục hậu quả nhằm ngăn chặn, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai hoặc sự cố công trình gây ra;

c) Phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện ứng phó và khắc phục hậu quả.

3. Thẩm quyền và trình tự công bố quyết định tình huống khẩn cấp và kết thúc tình huống khẩn cấp về thiên tai:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra trên địa bàn cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự⁴⁵ cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tình huống khẩn cấp về thiên tai;

b) Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai quy định tại khoản 1 Điều này xảy ra đối với công trình, cơ sở hạ tầng thuộc phạm vi quản lý. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự⁴⁶ hoặc

⁴⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁴⁵ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁴⁶ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

cơ quan chuyên môn trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành tình huống khẩn cấp về thiên tai;

c) Trường hợp thiên tai nghiêm trọng xảy ra trên diện rộng, vượt quá khả năng ứng phó, khắc phục hậu quả của bộ, ngành, địa phương, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia⁴⁷ có trách nhiệm tham mưu, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành tình huống khẩn cấp về thiên tai;

d) Căn cứ diễn biến thiên tai hoặc kết quả khắc phục sự cố, cơ quan tham mưu trình người có thẩm quyền ban hành quyết định công bố kết thúc tình huống khẩn cấp thiên tai;

đ) Trách nhiệm ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trong tình huống khẩn cấp: Thực hiện theo nguyên tắc quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định này và phân công tại Quyết định công bố tình huống khẩn cấp. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị để ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Các biện pháp được áp dụng trong tình huống khẩn cấp:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm huy động các nguồn lực để ứng phó với tình huống khẩn cấp. Các biện pháp chính gồm:

a) Huy động lực lượng, phương tiện và các nguồn lực để cứu hộ, cứu nạn; tổ chức cấp cứu kịp thời người bị nạn; nhanh chóng sơ tán, di dời nhân dân ra khỏi nơi nguy hiểm; bố trí đảm bảo hậu cần cho nhân dân tại nơi sơ tán;

b) Tổ chức việc tiếp nhận, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân; huy động các cơ sở khám chữa bệnh tham gia cứu chữa cho người bị nạn;

c) Cấp phát miễn phí lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để giúp nhân dân xử lý môi trường, phòng, chống dịch bệnh, cung cấp nước sạch, ổn định đời sống nhân dân trong quá trình ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;

d) Huy động mọi nguồn lực (bao gồm cả nguồn lực từ Quỹ phòng, chống thiên tai) để xử lý khẩn cấp sự cố công trình phòng chống thiên tai, sự cố công trình xây dựng do thiên tai;

đ) Các biện pháp cần thiết khác;

⁴⁷ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

e) Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của các bộ, ngành, địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia⁴⁸ để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ theo thẩm quyền.

Điều 13. Dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai

1. Dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai là dự án cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả do thiên tai gây ra khi có các tình huống khẩn cấp hoặc tình trạng khẩn cấp về thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.⁴⁹ Dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai được quyết định đầu tư, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 4, khoản 6 Điều 19, Điều 45 Luật Đầu tư công, Điều 130 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; được áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 23 Luật Đấu thầu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 90/2025/QH15 và điểm b, điểm k khoản 1 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và được điều chỉnh tương ứng khi pháp luật về đầu tư công, xây dựng và đấu thầu điều chỉnh.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI; HUY ĐỘNG, QUYÊN GÓP VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC CỨU TRỢ, HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 14. Nguyên tắc thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai

1.⁵⁰ Chủ động sử dụng nguồn lực tại chỗ để khắc phục hậu quả thiên tai, trường hợp vượt quá khả năng cân đối của bộ, ngành, địa phương, báo cáo, đề xuất gửi Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để tổng hợp, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ (riêng nguồn lực về tài chính thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước).

2. Đảm bảo kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

3. Ưu tiên hỗ trợ dân sinh, phục hồi sản xuất và khắc phục khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai và công trình xây dựng thiết yếu.

⁴⁸ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁴⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁵⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

4. Khôi phục, sửa chữa, xây dựng lại đảm bảo bền vững hơn.

Điều 15. Thống kê, đánh giá thiệt hại

1. Công tác thống kê, đánh giá thiệt hại được thực hiện ngay sau khi thiên tai xảy ra và được cập nhật thường xuyên cho đến khi có báo cáo tổng hợp thiệt hại đợt thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵¹ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính⁵² hướng dẫn việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Luật Phòng, chống thiên tai.

Điều 16. Nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Căn cứ tình hình thiên tai và thiệt hại, ảnh hưởng của thiên tai đến các mặt đời sống, sản xuất và cơ sở hạ tầng; các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xác định nhu cầu, hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ theo quy định tại Điều 32 Luật Phòng chống thiên tai và khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung, số liệu báo cáo.

2. Trách nhiệm xác định, tổng hợp, đề xuất nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ (riêng nguồn lực về tài chính thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước)⁵³:

a) Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự⁵⁴ các cấp có trách nhiệm xác định, tổng hợp thiệt hại, đề xuất nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ trên địa bàn quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự⁵⁵ cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của địa phương;

b) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia⁵⁶ trong trường hợp vượt quá khả năng;

⁵¹ Cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 6 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁵² Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Tài chính” theo quy định tại khoản 7 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁵³ Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁵⁴ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁵⁵ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁵⁶ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

c) Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia⁵⁷ có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ của các bộ, ngành, địa phương, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Nguồn lực cho cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 32 Luật Phòng, chống thiên tai và khoản 3, khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và các nguồn lực hợp pháp khác.

Điều 17. Huy động, phân bổ và triển khai nguồn lực tài chính hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai⁵⁸

1. Trách nhiệm, thẩm quyền, quy trình huy động và triển khai, sử dụng ngân sách nhà nước và quỹ dự trữ tài chính cho khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Quy trình huy động và triển khai hỗ trợ từ quỹ phòng chống thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về việc thành lập và quản lý quỹ phòng chống thiên tai.

Điều 18. Hỗ trợ về hàng hóa, dân sinh khắc phục hậu quả thiên tai

1. Hàng hóa thuộc dự trữ quốc gia

Việc phân phối, hỗ trợ hàng hóa thuộc dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hóa dự trữ quốc gia.

2. Hỗ trợ về dân sinh

a) Hỗ trợ về dân sinh bao gồm hỗ trợ về lương thực, hỗ trợ chi phí điều trị cho người bị thương nặng, hỗ trợ chi phí mai táng cho hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai;

b) Đối tượng được hỗ trợ gồm người dân, hộ gia đình bị thiệt hại do thiên tai;

c) Mức hỗ trợ, quy trình, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Hỗ trợ về nhà ở bị thiệt hại do thiên tai

a) Đối tượng được hỗ trợ gồm người dân, hộ gia đình có nhà ở bị thiệt hại do thiên tai theo quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

b) Mức hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trường hợp thiên tai

⁵⁷ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁵⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

gây thiệt hại lớn về nhà ở, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia⁵⁹ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế⁶⁰, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 19. Hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư

1. Căn cứ quyết định tình huống khẩn cấp về thiên tai tại Điều 12 Nghị định này, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự⁶¹ các cấp triển khai hỗ trợ khẩn cấp di dời dân cư, đảm bảo kịp thời, an toàn tính mạng cho người dân.

2.⁶² Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã huy động lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và các lực lượng tại chỗ rà soát, xác định số hộ cần di dời khẩn cấp.

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã tổng hợp về số hộ cần di dời khẩn cấp và nhu cầu hỗ trợ di dời, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Căn cứ quy định của Luật Đất đai, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và các quy định pháp luật hiện hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất, bố trí chỗ ở cho các hộ dân cần di dời; quyết định huy động kinh phí, lực lượng, trang thiết bị, vật tư và các tổ chức, cá nhân liên quan theo thẩm quyền để triển khai thực hiện. Trường hợp vượt quá khả năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

3.⁶³ (được bãi bỏ)

4.⁶⁴ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu cấp xã, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ quy định của Luật Đất đai, Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản và các quy định pháp luật hiện hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí quỹ đất để làm nơi ở cho các hộ dân cần di dời; quyết định huy động kinh phí, lực lượng, trang thiết bị, vật tư và các tổ chức, cá nhân liên quan theo thẩm quyền để hỗ trợ di dời. Trường hợp vượt quá khả năng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ để kịp thời xử lý.

⁵⁹ Cụm từ “Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.

⁶⁰ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Y tế” theo quy định tại khoản 8 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁶¹ Cụm từ “Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bởi cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁶² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁶³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁶⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huy động các nguồn lực hợp pháp và quy định trình tự chi tiết, tổ chức thực hiện phù hợp với đặc thù của địa phương.

Điều 20. Vận động, quyên góp và phân bổ nguồn lực

1. Vận động, quyên góp và phân bổ nguồn lực trong nước

Việc tổ chức huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực trong nước theo quy định tại Điều 11, Điều 33 Luật Phòng chống thiên tai, khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, Nghị định về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

2. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực quốc tế

Việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực quốc tế để cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai được thực hiện theo các quy định về quản lý và sử dụng viện trợ phát triển chính thức, viện trợ phi chính phủ nước ngoài; quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Mục 5

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI, TỔ CHỨC QUỐC TẾ THAM GIA HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM

Điều 21. Thuế, lệ phí nhập khẩu, xuất khẩu đối với phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ thiên tai

Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam nhập khẩu, tái xuất khẩu phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ thiên tai được miễn thuế, lệ phí nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Luật Phòng, chống thiên tai. Trường hợp để lại Việt Nam sử dụng vào mục đích khác phải chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 22. Đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam⁶⁵

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai lập 01 bộ hồ sơ đăng ký, gửi trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam theo mẫu Phụ lục I;

⁶⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

b) Danh mục hàng hóa, vật tư, trang thiết bị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan (nếu có), theo mẫu Phụ lục II;

c) Danh sách người tham gia theo mẫu Phụ lục III.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về đề điều và phòng, chống thiên tai thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả xử lý hồ sơ đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký và các cơ quan liên quan.

4. Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động tìm kiếm cứu nạn tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định về tìm kiếm cứu nạn và quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 23. Nhập cảnh, xuất cảnh; thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu đối với phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa phòng chống thiên tai chuyên dùng phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp và tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Người được phép đến Việt Nam hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai được làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh ưu tiên tại các cửa khẩu; trường hợp ứng phó khẩn cấp, nếu chưa có thị thực, được cấp thị thực tại cửa khẩu.

2. Phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa được phép nhập khẩu, tái xuất sau khi hoàn thành hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ thiên tai được ưu tiên làm thủ tục thông quan tại các cửa khẩu.

Điều 24. Lưu trú đối với người nước ngoài tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam

1. Người được phép đến Việt Nam hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai được hướng dẫn nơi ở, làm việc và thủ tục tạm trú phù hợp với điều kiện cụ thể.

2. Cơ quan, địa phương tiếp nhận hỗ trợ có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục đăng ký tạm trú, nơi ở và làm việc cho các cá nhân, tổ chức đến Việt Nam hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Mục 6⁶⁶ (được bãi bỏ)

⁶⁶ Mục này bao gồm các điều 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 và 32 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Mục 7**CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG XUNG KÍCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẤP XÃ**

Điều 33. Chế độ tiền lương, tiền công đối với người tham gia lực lượng xung kích được huy động tập huấn, huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai

1.⁶⁷ Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập được hưởng trợ cấp ngày công lao động như sau:

a) Mức trợ cấp ngày công lao động do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, nhưng không thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

Nếu huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau) được tính tăng thêm không thấp hơn 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng.

b) Khi tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng, chống thiên tai cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về như cán bộ, công chức cấp xã; được hỗ trợ tiền ăn theo mức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, nhưng không thấp hơn mức tiền ăn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

c) Cấp nào huy động thì cấp đó bảo đảm chi trả.

2. Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe.

a) Trường hợp người lao động hợp đồng trong thời gian tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai được tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ tiền lương, phụ cấp theo quy định;

⁶⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

b) Chi phí cho các khoản nói trên được tính vào ngân sách chi hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ, công an xã được huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng chống thiên tai theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Chế độ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn, trợ cấp tiền tuất đối với trường hợp tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

1. Điều kiện được hưởng: Người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, bị chết trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền. Trường hợp bị ốm, bị tai nạn, bị chết do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chế độ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn, trợ cấp tiền tuất cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: Được hưởng chế độ về ốm đau, tai nạn lao động, tử tuất theo quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (thời gian tính từ khi được huy động, bắt đầu đi thực hiện nhiệm vụ đến khi hoàn thành, về đến nơi cư trú hoặc từ khi được huy động, bắt đầu đi thực hiện nhiệm vụ đến khi bị tai nạn, hoặc chết).

Điều 35. Chế độ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn, trợ cấp tiền tuất đối với trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

1. Điều kiện được hưởng: Người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương, bị chết trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền. Trường hợp bị ốm, bị tai nạn, bị chết do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này.

2. Mức hưởng cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã không tham gia bảo hiểm y tế nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương

Chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ. Trong thời gian điều trị nội trú được bảo đảm tiền ăn bệnh lý. Trường hợp người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã đang điều trị nội trú, nhưng hết thời gian làm nhiệm vụ thì được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn bệnh lý nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu hết 15 ngày bệnh vẫn chưa ổn định thì điều trị đến khi ổn định và được thanh toán 100% tiền khám, chữa bệnh.

3.⁶⁸ Mức hưởng cho người tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã không tham gia bảo hiểm xã hội nếu bị tai nạn, bị chết

a) Trường hợp bị tai nạn: Trong thời gian điều trị tai nạn được hưởng như quy định tại khoản 2 Điều này kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi xuất viện. Trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

c) Trường hợp bị ốm đau dẫn đến chết: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

4.⁶⁹ Trình tự, thủ tục

a) Tiếp nhận hồ sơ:

Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính. Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

Đối với trường hợp bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Quyết định hỗ trợ, trợ cấp:

⁶⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁶⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Đối với chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.

Đối với kinh phí trợ cấp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên hoặc bị chết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.

Trường hợp không hỗ trợ thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

c) Chi trả hỗ trợ, trợ cấp:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả chi phí khám chữa bệnh, tiền trợ cấp cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

5.⁷⁰ Hồ sơ đề nghị

a) Hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh:

Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ gồm: đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này, phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy ra viện.

Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, hồ sơ gồm tờ trình kèm theo hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

b) Trợ cấp tai nạn:

Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ gồm: đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; giấy ra viện; trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên trong trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên. Trường hợp bị tai nạn giao thông thì có thêm biên bản điều tra của cơ quan công an.

Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, hồ sơ gồm tờ trình và hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

⁷⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên, Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; hồ sơ gồm: tờ trình và hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

c) Trợ cấp tiền tuất:

Người đại diện hợp pháp của người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ gồm: đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc giấy báo tử hoặc cung cấp số, kí hiệu của giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử trong đơn đề nghị (đối với giấy chứng tử, trích lục khai tử, nơi tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu tương ứng có trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử). Trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết thì có thêm biên bản điều tra của cơ quan công an.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ gồm tờ trình và hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

6. Kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã⁷¹ bảo đảm đối với người không tham gia bảo hiểm y tế nếu bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm đối với người không tham gia bảo hiểm xã hội bị tai nạn, bị chết.

Điều 36. Các chế độ khác

1. Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị thương hoặc hy sinh khi làm nhiệm vụ được hưởng chế độ, chính sách như thương binh, bị chết được công nhận liệt sĩ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã được bố trí trang thiết bị nơi làm việc theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. Trang thiết bị nơi làm việc của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định.

3. Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã được trang bị trang phục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã sử dụng trang phục khi làm nhiệm vụ.

4. Lực lượng xung kích cấp xã là đối tượng ưu tiên khi xin việc làm.

Điều 37. Nguồn kinh phí

Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã từ ngân sách nhà nước, Quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

⁷¹ Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” được thay thế bởi cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” theo quy định tại khoản 10 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁷²

Điều 38. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2021.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.
3. Bãi bỏ Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2016 và Quyết định số 37/2019/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2016 về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai.

⁷² Điều 53 và Điều 54 của Nghị định số 200/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2025.
2. Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 54. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Các điều 70, 71 và 72 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026 quy định như sau:

“ Điều 70. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chế độ, chính sách đối với lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này đang được cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021, nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại Điều 11 Nghị định này đang được cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021, nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn chưa nhận được kết quả thì tiếp tục áp dụng theo quy định của Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021.

3. Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 61 và đối với các văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai quy định tại Điều 62 Nghị định này, đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 71. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Bãi bỏ Mục 6 và Phụ lục V tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3. Bãi bỏ Chương VII tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 72. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ NN&MT: Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế;
- Lưu VT, ĐD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Hoàng Hiệp**

Phụ lục I
ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ THIÊN TAI TẠI VIỆT NAM⁷³
(Kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP
ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG
KÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ KHẮC
PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI
Full name of agency/person

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI
(Registration for the disaster response and recovery activities in Viet Nam)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
To: Ministry of Agriculture and Environment

- Tên tổ chức, cá nhân:
Full name of Agency/person
- Phạm vi, lĩnh vực hoạt động (Đối với tổ chức)¹:
Scope of work (Agency)
- Nghề nghiệp hiện tại (Đối với cá nhân)²:
Current Profession (Person)
- Địa chỉ:
Address
- Số điện thoại/Email:
Telephone/Email
- Mục đích của hoạt động:
Purposes of your activity
- Thời gian dự kiến thực hiện:
Intend time/ Planned time frame

¹ Đối với tổ chức: kèm theo Bản sao giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức (không áp dụng với trường hợp là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, liên chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài)

For organizations: include A copy of valid documents proving the organization's legal status (not applicable to diplomatic missions, governmental, intergovernmental agencies, or foreign local authorities)

² Đối với cá nhân: kèm theo Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực
(For individuals: include A copy of a valid passport)

⁷³ Phụ lục I kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2021 được thay thế bởi Phụ lục I kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai theo quy định tại khoản 12 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

- Các hoạt động cụ thể dự kiến thực hiện:

Planned Activities and Outcomes

- Địa bàn dự kiến hoạt động (ghi rõ tỉnh, thành phố, xã):

Expected Location (specify names of province/city/commune)

(Tên đầy đủ của tổ chức/cá nhân) trong trạng thái hoàn toàn tỉnh táo, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện thực hiện việc đăng ký này; đồng thời cam kết các nội dung sau:

(Full name of the agency/person), being in a sound state of mind, fully capable of civil acts, and acting voluntarily, hereby makes this registration and undertakes the following commitments:

1. Tự nguyện tham gia các hoạt động ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Voluntarily participate in disaster response, relief, and recovery activities in Viet Nam.

2. Tự chịu trách nhiệm về sức khỏe, an toàn, an ninh cá nhân trong toàn bộ thời gian tham gia các hoạt động ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam. Không yêu cầu bất kỳ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra rủi ro, tai nạn, hoặc thiệt hại về sức khỏe, tài sản trong quá trình tham gia hoạt động.

Take full responsibility for personal health, safety, security throughout the course of disaster response, relief, and recovery activities in Viet Nam. Shall not hold any organization, authority, or individual liable in case of accidents, risks, or damage to health or property during the participation in such activities.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của Việt Nam, các quy định của địa phương nơi thực hiện hoạt động, cũng như sự hướng dẫn của cơ quan chức năng liên quan.

Comply fully with the laws and regulations of Viet Nam, the rules of the localities where activities are conducted, and all instructions from relevant authorities.

4. Chấp nhận việc cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối/trả hồ sơ mà không nêu rõ lý do bị từ chối/trả hồ sơ.

Accept the possibility of being denied or having the registration returned by the Authorized agency without specifying the reason.

5. Đảm bảo các thông tin cung cấp là đúng sự thật.

Ensure all the information provided is correct.

Ngày/Date/.../.../.....(DD/MM/YY)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

Signature

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

For Authorized Agency

Phụ lục II

*(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP
ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)*

DANH MỤC HÀNG HÓA, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ
Goods, equipment:

[illegible]

*(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP
ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)*

[illegible]

Phụ lục IV
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ LÀM VIỆC
(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP
ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn, ghế giao ban, hội họp	Bộ	01	
2	Biển tên phòng làm việc	Chiếc	01	
3	Bàn làm việc cá nhân	Bộ	01/người	Đội trưởng, Phó đội trưởng
4	Máy vi tính, máy in	Bộ	01/người	Đội trưởng, Phó đội trưởng
5	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01/người	Đội trưởng, Phó đội trưởng
6	Điện thoại cố định	Chiếc	01/người	Đội trưởng, Phó đội trưởng
7	Bảng chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh	Chiếc	01/người	Đội trưởng, Phó đội trưởng

Phụ lục V

TRANG PHỤC XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CẤP XÃ

(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP

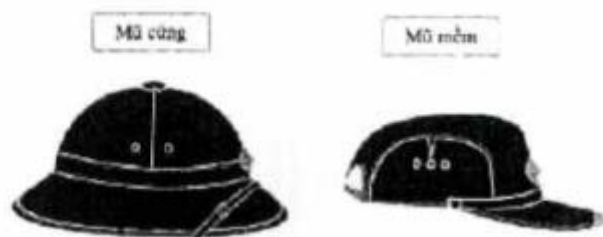
ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)

DANH MỤC TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN CẤP PHÁT TRANG PHỤC

Người tham gia đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã được cấp phát năm đầu 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 01 quần áo Đông, 01 quần áo Hè, 01 dây lưng, 02 bút tắt, 01 giày da đen, 01 giày vải thấp cổ hoặc cao cổ, 01 quần áo đi mưa, 02 phù hiệu tay áo. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Mũ cứng	Cái	01	02 năm
2	Mũ mềm	Cái	01	02 năm
3	Bút tắt	Đôi	02	01 năm
4	Giày da đen	Đôi	01	02 năm
5	Giày vải thấp cổ hoặc cao cổ	Đôi	01	01 năm
6	Quần, áo đi mưa	Cái	01	03 năm
7	Phù hiệu tay áo	Cái	02	01 năm

MẪU TRANG PHỤC
MŨ CỨNG, MŨ MỀM, THẮT LƯNG
XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI



GIÀY DA, GIÀY VẢI, TẮT XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI



**QUẦN ÁO ĐI MƯA
XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**



**PHÙ HIỆU TAY ÁO
XUNG KÍCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**



Phụ lục VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP
ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi: (1)

Họ và tên người đề nghị: (2)

⁷⁴Số điện thoại:

Số Căn cước công dân/Căn cước⁷⁵:

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi khám bệnh, chữa bệnh...)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho (3)

Số tiền đề nghị thanh toán là:đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này: Phiếu xét nghiệm; đơn thuốc; hóa đơn thu tiền; giấy ra viện.

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

.... (4) ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của dân quân viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(4) Địa danh.

⁷⁴ Cụm từ “Địa chỉ thường trú” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

⁷⁵ Cụm từ “Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân)” được thay thế bởi cụm từ “Số Căn cước công dân/Căn cước” theo quy định tại khoản 11 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP TAI NẠN, TIỀN TUẤT⁷⁶
(Kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP
ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trợ cấp tai nạn, tiền tuất

Kính gửi:(1)

Họ và tên người đề nghị:(2)

Số điện thoại:(3).....

Số Căn cước công dân/Căn cước:

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi bị tai nạn hoặc chết)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán trợ cấp tai nạn (tiền tuất) cho (4)

Số tiền đề nghị thanh toán là: đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này:(5) hoặc (6).....

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

.... (7), ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của xung kích viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Số điện thoại của người đề nghị.

(4) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(5) Trường hợp trợ cấp tai nạn: Giấy ra viện; Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao Giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên trong trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên; Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

(6) Trường hợp trợ cấp tử tuất: Giấy ra viện hoặc Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc Giấy báo tử hoặc cung cấp số, ký hiệu của Giấy chứng tử hoặc Trích lục khai tử trong đơn đề nghị (đối với Giấy chứng tử, Trích lục khai tử, nơi tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu tương ứng có trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử); Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết).

(7) Địa danh.

⁷⁶ Phụ lục VII Mẫu đơn đề nghị trợ cấp tai nạn, tiền tuất kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2021 được thay thế bởi Phụ lục II Mẫu đơn đề nghị trợ cấp tai nạn, tiền tuất kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai theo quy định tại khoản 13 Điều 14 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2026.